

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ Q  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST;  
Ngày: 14/3/2022;  
V/v tranh chấp "Ly hôn".

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Cao Thị Thu Thủy**;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà **Nguyễn Thị Loan**;

2/ Bà **Nguyễn Thị Ngọc**;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Võ Thị Kiều**, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 14 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXX-ST ngày 04/3/2022 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* **Phạm Thị Đan A** - sinh năm: 1981;

Địa chỉ: Số 31E ấp N, xã M, thành phố Q, Tiền Giang.

\* *Bị đơn:* **Nguyễn Văn B** - sinh năm: 1977;

Địa chỉ: Số 31E ấp N, xã M, thành phố Q, Tiền Giang.

(Các đương sự vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Đan A trình bày: Chị và anh B sống chung vào năm 2000, do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M vào ngày 14/9/2000. Cuộc sống chung của vợ chồng chị rất hạnh phúc nhưng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cãi. Anh chị đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Minh C, sinh năm 2000. Hiện tại con anh chị đã trưởng thành, lao động được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại Đơn xin vắng mặt đề ngày 18/02/2022, bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày: Anh B đồng ý ly hôn với chị A và anh B đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh B, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn đang cư trú tại số 31E ấp N, xã M, thành phố Q, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân thành phố Q có thẩm quyền giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Chị A và anh B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A, Tòa xét thấy: Chị A trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về cách sống, cách nghĩ và thường xuyên cự cãi nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Tại Đơn xin vắng mặt đề ngày 18/02/2022, anh B đồng ý ly hôn với chị A. Xét thấy, Tòa án đã triệu tập anh B nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng anh B có đơn yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và có văn bản đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị A, qua đó cho thấy anh B không có thành ý cứu vãn mối quan hệ hôn nhân với chị A. Do đó, Tòa án xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị A, cho chị A được ly hôn với anh B.

[5] Về con chung: Con chung đã trưởng thành nên chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị A khai không có nên Tòa án không xem xét.

[7] Về án phí: Chị A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Đan A đối với anh Nguyễn Văn B.

Về tình cảm: Chị Phạm Thị Đan A được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

2. Án phí: Chị Phạm Thị Đan A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004706 ngày 26/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn (8b).

(Đã Ký)

**Cao Thị Thu Thủy**